



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ : 150 Đường 14/9 – Phường 5 – TP. Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long

Website : www.pharimexco.com.vn - Email : pharimexco@hcm.vnn.vn

Điện thoại : 070. 3 822 533 - Fax: 070. 3 822 129

MỤC LỤC

I.	TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY.....	3
1.	Những sự kiện quan trọng:.....	3
2.	Quá trình phát triển.....	4
3.	Định hướng phát triển.....	5
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	6
1.	Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong 5 năm 2005-2009.....	6
1.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2009:	7
2.	Những khoản đầu tư chủ yếu từ năm 2005 đến năm 2009:.....	7
3.	Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.....	8
III.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	10
1.	Báo cáo tình hình tài chính	10
2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2005-2009	12
3.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2005-2009	15
4.	Định hướng đầu tư phát triển	16
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009	19
V.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	22
VI.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ'	22
VII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	26
1.	Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:	26
2.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông:	27

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
Trụ sở : 150 Đường 14/9 - Phường 5 – TP. Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại : (070) 3 822 533
Fax : (070) 3 822 129
Email : pharimexco@hcm.vnn.vn
Website : www.pharimexco.com.vn
Logo : 

Giấy CNĐKKD: Số 1500202535 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp lần thứ tư ngày 25/02/2009.

Vốn điều lệ : 97.193.080.000 đồng.

Mã cổ phiếu : **DCL**

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 9.719.308 cổ phiếu.

1. Những sự kiện quan trọng:

- ❖ Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm tỉnh Cửu Long được thành lập năm 1976.
- ❖ Năm 1992, sau khi tỉnh Cửu Long tách thành 2 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, công ty đổi tên thành Công Ty Dược và Vật Tư Y Tế Cửu Long.
- ❖ Tháng 08/2004, Công ty được cổ phần hóa và chính thức chuyển thành công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2005 với tên CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG (PHARIMEXCO).
- ❖ Ngày 17/09/2008 cổ phiếu **DCL** chính thức niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

2. Quá trình phát triển

❖ Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu trực tiếp: dược phẩm, capsule, các loại dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên liệu và các loại dược phẩm bào chế khác.

- Sản xuất các loại bao bì dùng trong ngành dược.

- Nuôi, trồng các loại dược liệu làm thuốc.

❖ Tình hình hoạt động

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm, viên nang rỗng (Capsule), các loại dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hoá chất, nguyên phụ liệu, các loại dược phẩm bào chế khác và các loại bao bì dùng trong ngành dược.

Qua 05 năm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mặc dù công ty gặp nhiều khó khăn, thách thức như: khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, biến động giá nguyên liệu thế giới, thị trường cạnh tranh gay gắt, chính sách quản lý giá thuốc chặt chẽ...nhưng nhờ những chính sách ưu đãi của Chính phủ, nhất là chính sách sau cổ phần hóa doanh nghiệp như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi đầu tư...cùng với sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB.CNV, sự đóng góp nhiệt tình của cổ đông đã đưa công ty ngày càng phát triển bền vững.

Về quy mô sản xuất: hiện Công ty có 6 nhà máy đang hoạt động, trong đó 3 nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-WHO là Nhà máy sản xuất Dược phẩm (Non β - Lactam), Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh nhóm Cephalosporin, Nhà máy sản xuất thuốc kem-siro; 3 nhà máy còn lại là Nhà máy sản xuất Capsule I & II, Nhà máy sản xuất dụng cụ y tế (Vikimco).

Hệ thống kinh doanh gồm 45 chi nhánh và phòng giao dịch đặt ở các tỉnh và thành phố lớn trong cả nước như: Hà Nội, Hải phòng, Thanh Hóa, Thái Bình, Đà Nẵng, Nghệ An, Gia Lai, TP.HCM, TP. Cần Thơ, An Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, Trà Vinh, Kiên Giang, Bến Tre; 375 đại lý bán lẻ đặt ở khắp các xã, phường và huyện trong tỉnh Vĩnh Long và trên 2.400 khách hàng và một Công ty liên doanh MSC tại Viêng Chăn - Lào. Công ty còn có nông trường trồng dược liệu 40 hecta tại huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được quản lý bởi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, TQM, nhà máy

sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, kho đạt tiêu chuẩn GSP, phòng kiểm tra chất lượng đạt tiêu chuẩn GLP và các chi nhánh lớn trên cả nước đều đạt tiêu chuẩn GDP.

Công ty đã quan hệ với nhiều doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh nhằm phục vụ sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, hóa dược, dụng cụ y tế và các thiết bị chuyên dùng cho ngành dược, ngành y tế; sản phẩm của công ty đã có mặt khắp nơi trên thị trường trong nước. Đặc biệt Công ty tiếp tục giữ vững mối quan hệ kinh tế với một số doanh nghiệp ngoài nước nhằm đáp ứng yêu cầu về nguyên liệu cho sản xuất, cải tiến công nghệ và tiếp cận kỹ thuật tiên tiến, tìm đối tác kinh doanh và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Với một lực lượng quản lý giàu kinh nghiệm, một đội ngũ nhân viên kỹ thuật lành nghề, luôn đổi mới, năng động, cải tiến chất lượng sản phẩm, rất coi trọng sự hợp tác đầu tư và chăm sóc khách hàng. Đối với cổ đông, công ty luôn tìm hiểu những khó khăn, thắc mắc để giải đáp kịp thời nhằm tạo sự yên tâm dài lâu khi đầu tư vào cổ phiếu của công ty.

3. Định hướng phát triển

Nhiệm vụ chiến lược của Công ty là xây dựng Pharimexco trở thành một trong những công ty Dược phẩm quốc gia phát triển vững mạnh toàn diện, dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, nguyên liệu (capsule) và trang thiết bị, dụng cụ y tế.

Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Dược phẩm, đồng thời nâng cao hiệu quả, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

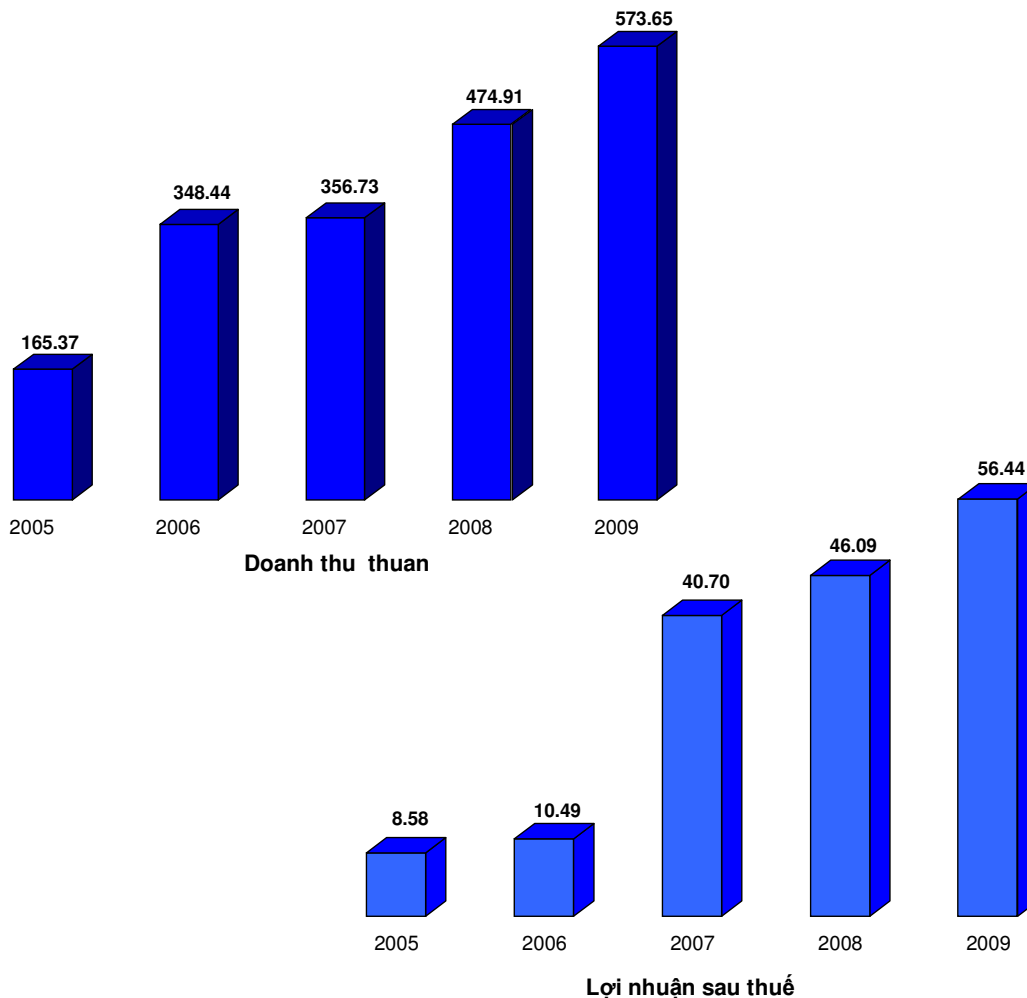
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong 5 năm 2005-2009

Từ năm 2005 đến năm 2009, do ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu, sự biến động kinh tế trong nước, giá cả không ổn định, sức mua giảm nên tình hình nhập khẩu thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất cũng trực tiếp bị ảnh hưởng.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB.CNV công ty luôn ra sức phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông đã đề ra.

ĐVT: tỷ đồng

	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Doanh thu	165,370	348,435	356,733	474,909	573,649
Lợi nhuận sau thuế	8,575	10,478	40,707	46,098	56,438
Tỷ lệ chia cổ tức	16%	18%	30%	20%	25%



1. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2009:

Theo kế hoạch năm 2009, doanh thu: 650 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế: 65 tỷ đồng. Trong đó doanh thu ước tính của Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh là 150 tỷ, lợi nhuận là 20 tỷ, dự kiến hoạt động trong quý II/2009. Nhưng do các yếu tố khách quan: ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế toàn cầu, vật liệu xây dựng biến động nhanh nên đơn vị nhận thầu xây dựng là Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng CONSTREXIM (TP.HCM) đã không hoàn thành công trình như dự kiến. Đến đầu năm 2010 Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh mới được đưa vào hoạt động.

Vì lý do đó Hội đồng quản trị công ty thống nhất điều chỉnh kế hoạch năm 2009 là: Doanh thu: 500 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế: 45 tỷ đồng.

Doanh số thực hiện và lợi nhuận sau thuế :

Doanh thu thuần thực hiện:	573,649 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế kế hoạch	45,000 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế thực hiện	56,438 tỷ đồng

2. Những khoản đầu tư chủ yếu từ năm 2005 đến năm 2009:

Trong 5 năm 2005-2009, Công ty đã đầu tư xây dựng 2 nhà máy mới và mua đất tại các chi nhánh làm văn phòng đại diện, ngoài ra còn các công trình sau đã hoàn thành và đưa lại hiệu quả lớn trong sản xuất, kinh doanh:

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Trị giá (đồng)	Ghi chú
1	Nhà máy sản xuất Capsule II	1.138	99.616.296.063	Hoạt động 2008
2	Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh	1.891	31.199.485.206	Hoạt động đầu 2010
3	Văn phòng làm việc	410	6.894.468.704	khánh thành vào ngày 05/02/2010
4	Mua đất tại số 1, Tô Thị Huỳnh, P1, TP Vĩnh Long	1.052	5.384.350.400	2008
5	Chi nhánh Hà Nội (có sửa chữa)	110,9	5.000.000.000	2007
6	Chi nhánh Đà Nẵng - Mua đất - Mua đất và nhà	310 196,5	1.737.000.000 3.200.000.000	2006 2008
7	Chi nhánh Cần Thơ	178	1.750.000.000	2008
8	Chi nhánh Sóc Trăng (nhà và đất)	229,3	1.100.000.000	2009
9	Chi nhánh Nghệ An	258	3.070.200.000	2009
10	Chi nhánh Kiên Giang	250	1.430.000.000	2009

Trong năm 2009, Công ty còn thành lập công ty con là Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm Mê Kông tại số 56-58 đường 3/2, P1, TP Vĩnh Long. Vốn điều lệ: 10 tỷ đồng. Lĩnh vực hoạt động: kinh doanh Dược phẩm, Capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Phát huy những thành tựu đạt được trong những năm qua, công ty định hướng phát triển hoạt động kinh doanh và đầu tư như sau:

Mục tiêu chung:

Tập trung khắc phục mọi ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu và trong nước, Công ty tiếp tục phát huy thành quả năm 2009, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh đưa doanh thu năm 2010 đạt 750 tỷ đồng. Xây dựng công ty trở thành một đơn vị trong nhóm topten cấp quốc gia về sản xuất - kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, viên nang rỗng và trang thiết bị, dụng cụ y tế.

Công ty đang thực hiện các dự án đầu tư phát triển trong tương lai như: dự án nhà máy sản xuất thuốc tiêm, nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, dự án đầu tư ứng dụng hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP, dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dự án khu trung tâm liên hợp Dược phẩm Cửu Long ...

Công ty cũng củng cố và hoàn thiện hơn các hoạt động marketing, hoạt động điều hành sản xuất, phát triển nguồn nhân lực, hoạt động quản trị tài chính nhằm đưa lợi nhuận của công ty ngày càng phát triển.

Kế hoạch kinh doanh năm 2010:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Ghi chú
1. Tổng doanh thu	573.649	750.000	
2. Tổng chi phí	436.118	562.500	
3. Lợi nhuận gộp	137.531	187.500	
4. Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	60.577	70.000	
5. Lợi nhuận sau thuế (LNST)	56.438	65.000	
6. Các khoản nộp NSNN	40.797	50.264	
- Thuế GTGT	33.827	44.750	
- Thuế TNDN	6.495	5.000	
- Thuế khác	475	514	
7. Vốn điều lệ	97.193	200.000	
8. Tỷ suất LNST trên vốn điều lệ (%)	58	33	
9. Trích quỹ	30.871	23.550	
- Quỹ dự phòng tài chính 5%	2.825	3.250	
- Quỹ đầu tư phát triển 15-60%	19.570	10.550	
- Quỹ khen thưởng phúc lợi 15%	8.476	9.750	
10. Chia cổ tức	24.289	40.000	
11. Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ (%)	25%	20%	Bằng tiền
12. Thù lao cho HĐQT và BKS	1.278	1.450	
13. Lao động bình quân năm	900	1.000	
14. Thu nhập bình quân tháng	3.5	4.0	

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

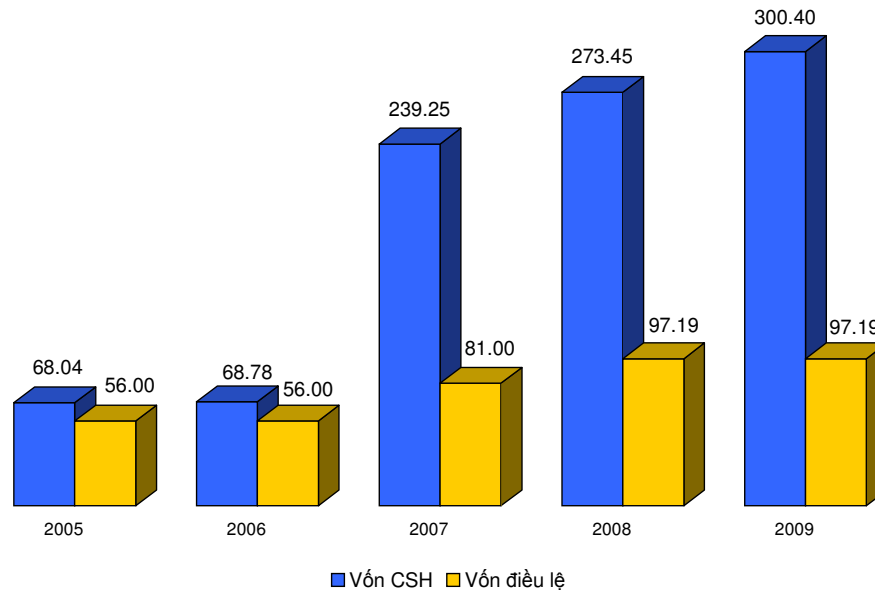
Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần): TSLĐ/Nợ NH	1,84	1,56
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-Hàng Tồn Kho)/Nợ NH	1,11	1,09
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,51	0,53
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,02	1,13
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng TS)	0,86	0,90
- Vòng quay TSCĐ (DT thuần/TSCĐ)	2,01	2,17
- Vòng quay vốn lưu động (DT thuần/TSLĐ)	1,51	1,53
- Vòng quay các khoản phải thu (DT thuần/ Phải thu BQ)	2,45	3,31
- Vòng quay các khoản phải trả (DT thuần/ Phải trả BQ)	1,54	1,85
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	2,97	3,68
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số LN sau thuế / DT thuần (%)	9,71%	9,84%
- Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	16,90%	18,79%
- Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản (%)	8,36%	8,81%
- Hệ số LN từ hoạt động SXKD / DT thuần (%)	10,64%	10,70%

- Quá trình tăng vốn điều lệ từ năm 2005 -2009:

Năm	Nội dung	Số lượng CP phát hành	Vốn điều lệ (đồng)
2005	Vốn điều lệ ban đầu	5.600.000	56.000.000.000
2007	Trong đó: - Bán cho cổ đông hiện hữu - Bán cho cán bộ chủ chốt - Bán đấu giá ra bên ngoài	2.500.000 280.000 220.000 2.000.000	81.000.000.000
2008	Chi 10% cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2/2007 và 10% cổ phiếu thưởng năm 2007	1.619.308	97.193.080.000
2009	Thực hiện đợt 1 chương trình phát hành cổ phiếu thưởng cho CB.NVC (chương trình ESOP)	194.384	

Năm 2009 HĐQT đã thực hiện chương trình ESOP đợt 1 cho CB.CNV công ty với số lượng là 194.384 CP, nâng vốn điều lệ lên **99.136.920.000** đồng (đã nộp đủ hồ sơ cho UBCKNN để cấp giấy phép phát hành).

Thặng dư vốn cổ phần tính đến 31/12/2009: **110.556.760.000** đồng.



- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (tính đến ngày 31/12/2009)

Tổng số cổ phiếu: 9.719.308

Cổ phiếu thường 9.719.308

Cổ phiếu ưu đãi 0

- Trái phiếu đang lưu hành: không có

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

Tổng số cổ phiếu 9.719.308

Cổ phiếu thường 9.719.308

Cổ phiếu ưu đãi 0

- Số lượng cổ phiếu quỹ:

Tổng số cổ phiếu 3.460

Cổ phiếu thường 3.460

Cổ phiếu ưu đãi 0

- Chia cổ tức cho các cổ đông như sau:

Ngày 09/03/2009: Chia cổ tức đợt II/2008 bằng tiền 10%: 1.000 đồng/CP.

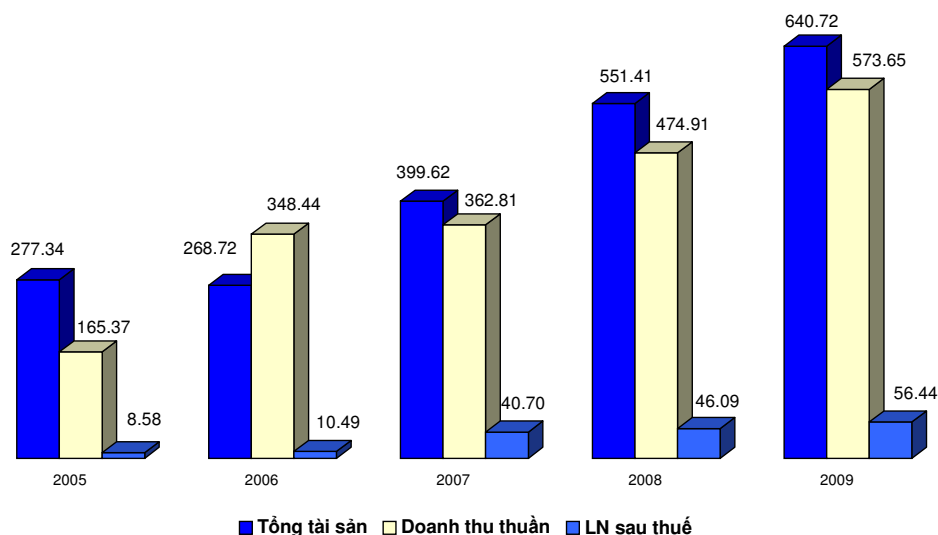
Ngày 20/08/2009: Tạm chia cổ tức đợt I/2009 bằng tiền 10%: 1.000 đồng/CP.

Trong năm 2009, công ty đã thực hiện chương ESOP với số lượng là 194.384 cổ phiếu, hiện đang làm thủ tục lưu hành tại Sở GDCK TP.HCM.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2005-2009

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông 2008, Công ty đã mời Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009 của công ty.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện					Mức tăng trưởng (%)			
		2005	2006	2007	2008	2009	2006/2005	2007/2006	2008/2007	2009/2008
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	165,370	348,435	356,733	474,909	573,649	110%	2,3%	33%	20,8%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,575	10,487	45,300	50,679	60,577	22,3%	332%	11,9%	19,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,575	10,487	40,707	46,098	56,438	22,3%	288%	13,2%	22,4%
Nộp thuế	Tỷ đồng	15	23,3	24,8	38,2	43,3				
Cổ tức	%	16	18	30	20	25				
Thu nhập bình quân	Triệu đồng	1,8	2,3	3,2	3,5	3,5				



a) Về sản xuất:

Trong năm 2009, Nhà máy sản xuất dược phẩm non β -lactam đã sản xuất được 186 sản phẩm (tăng 36 sản phẩm so với năm 2008) đạt sản lượng 936,8 triệu viên thuốc các loại; 60,931 tấn thuốc cốm; 42,73 triệu thuốc gói. Trong đó có 98 sản phẩm có sản lượng từ 1 triệu đơn vị sản phẩm trở lên và có 40 sản phẩm đạt trị giá 1 tỷ đồng trở lên, đặc biệt có 8 mặt hàng có giá trị từ 5 tỷ đến hơn 10 tỷ đồng, đó là các loại thuốc trị bệnh trẻ em, thuốc kháng sinh, thuốc hỗ trợ tiêu hoá, thuốc kháng viêm, thuốc giảm đau, thuốc trị bệnh đường hô hấp và thuốc bổ sung Vitamin.

Nhà máy Capsule I và Capsule II trong năm 2009 mặc dù đứng trước những khó khăn như ảnh hưởng suy thoái kinh tế thế giới, biến động giá cả nguyên liệu đầu vào nhưng công ty đã có phương án dự phòng và khắc phục những khó khăn để tổ chức sản xuất ra sản phẩm kịp thời phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh capsule. Cụ thể trong năm 2009 nhà máy đã sản xuất được 3,51 tỉ nang các loại, trong đó nang số 0 có giá trị cao nhất với sản lượng 2,12 tỉ nang, giá trị khoảng 70 tỉ đồng, nang số 1 với sản lượng 430 triệu nang, giá trị khoảng 15 tỉ đồng, nang ánh bạc trị giá 17,8 tỷ đồng. Hiện nhà máy đang hoàn tất hồ sơ đề nghị Cục Quản lý Dược cấp GCN đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

Nhà máy sản xuất dụng cụ y tế (Vikimco) đã chuyển đổi sang hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và đã được tổ chức Qualcert đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn. Nhà máy cũng đã đưa vào sản xuất các sản phẩm mới là ống tiêm 50cc và kim 18G. Đặc biệt sản phẩm kim 18G đã được tiêu thụ rất tốt. Hiện nay nhà máy đã hoàn toàn tự sản xuất đệm cao su cho ra giá thành rẻ hơn 30% so với giá thị trường và

hoàn toàn không phụ thuộc vào các nhà cung cấp bên ngoài cho nên chủ động được trong khâu tổ chức sản xuất. Đồng thời nhà máy đã được đầu tư thêm 2 máy ép nhựa mới và 9 khuôn ép nhựa để tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Trong năm 2009, nhà máy sản xuất vượt công suất thiết kế đạt sản lượng 104 triệu sản phẩm gồm có ống kim tiêm 95 triệu sản phẩm, lắp ráp 0,92 triệu dây truyền dịch, truyền máu các loại, chế tạo thêm khoảng 6,2 triệu cây kim rời, trong đó có 3 mặt hàng có giá trị trên 10 tỷ đồng, ống bơm tiêm 5ml có giá trị 27 tỷ đồng.

b) Về kinh doanh:

Ngoài nguồn hàng do các nhà máy sản xuất, công ty còn mở rộng kinh doanh dưới hình thức liên doanh, liên kết với các công ty được phẩm trong nước, nước ngoài để mua bán, nhập khẩu tạo thêm nguồn hàng, bổ sung nhiều mặt hàng mới làm phong phú thêm danh mục hàng hoá cung cấp cho thị trường.

Năm 2009, công ty đã tiêu thụ tốt sản lượng, sản phẩm do các nhà máy sản xuất ra và các sản phẩm nhập khẩu, hàng liên doanh liên kết đạt tổng doanh số trên 577 tỷ đồng, tăng 21,7% so với năm 2008. Trong đó dược phẩm đạt doanh thu 205 tỷ đồng, các sản phẩm capsule đạt doanh thu 114 tỷ đồng, dụng cụ y tế đạt doanh thu 53 tỷ đồng, hàng nhập khẩu đạt doanh thu 132 tỷ đồng, hàng liên doanh liên kết đạt doanh thu 73 tỷ đồng.

c) Về xuất nhập khẩu:

Trong năm Công ty đã xuất khẩu các loại nang đạt trị giá trên 88 ngàn USD và cũng đã nhập khẩu các loại nguyên liệu, phụ tùng dùng để sản xuất dược phẩm, capsule và các loại dụng cụ y tế trị giá 11,79 triệu USD.

d) Về nghiên cứu và phát triển sản phẩm:

Triển khai kế hoạch nghiên cứu sản xuất thử 40 sản phẩm mới trên 100 mẫu nghiên cứu thăm dò bào chế và kiểm nghiệm. Trong năm 2009 thực hiện sản xuất thành công qui mô pilot 38 sản phẩm mới, cải tiến 10 sản phẩm cũ. Chuyển giao cho nhà máy sản xuất dược phẩm 23 quy trình sản xuất sản phẩm qui mô công nghiệp đạt tỉ lệ 115% (23/20).

Xây dựng hoàn thiện và phát triển công nghệ dập thẳng (DC:direct compress) thuốc viên đạt kết quả lớn, góp phần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành kế hoạch nghiên cứu sản phẩm mới, rút ngắn quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên truyền thống, giảm công lao động, thời gian, năng lượng tiêu tốn trong sản xuất, giúp hạ giá thành, nâng cao tính ổn định của sản phẩm. Việc áp dụng công nghệ dập thẳng đã sản xuất thành công cho khoảng 10 sản phẩm trong năm.

Đối với nhóm kháng sinh Cephalosporin: để đáp ứng kịp thời cho việc đưa nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh nhóm Cephalosporin vào hoạt động, Phòng Nghiên cứu

đã triển khai nghiên cứu sản xuất thử thành công khoảng 10 mặt hàng thuốc nhóm này cho 04 dây chuyền sản xuất: viên nang, viên nén, viên bao phim, thuốc cốm bột. Các dây chuyền hoàn chỉnh này đã được thẩm định và công nhận trong việc xét cấp GMP-WHO cho nhà máy kháng sinh Cephalosporin.

e) Về nhân sự và đào tạo:

Tính đến 31/12/2009 tổng số cán bộ công nhân viên lao động là 843 người, trình độ chuyên môn như sau:

- Sau Đại học: 08 người
- Đại học: 163 người. Trong đó: Dược: 27 người, hóa: 7 người, công nghệ thực phẩm: 7 người, đại học khác: 122 người
- Cao đẳng: 26 người
- Trung cấp dược: 223 người, trung cấp khác: 69 người.
- Dược tá: 80 người, công nhân bậc thợ: 43 người. Lao động khác: 231 người.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty luôn quan tâm và thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm nhằm nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động, và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

- Trong năm 2009 công ty đã đưa đi đào tạo bên ngoài 36 người: Cao học: 7 người, Đại học Dược: 13 người, đại học khác: 16 người. Tổ chức đào tạo tại chỗ về chuyên môn nghiệp vụ 21 cuộc với 514 lượt người dự. Đào tạo về kỹ thuật PCCC, an toàn vệ sinh lao động cho công nhân mới tuyển hàng năm, hệ thống quản lý chất lượng toàn diện (TQM) và ISO 9001:2008.

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2005-2009

Những năm gần đây công ty tập trung đầu tư chiều sâu về thiết bị công nghệ mới, xây dựng và tổ chức thực hành tiết kiệm trong sản xuất, giảm chi phí nguyên vật liệu, năng lượng... Bên cạnh đó công ty luôn quan tâm thực hiện tốt công tác nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Sản phẩm mang thương hiệu **VPC** của công ty đã có mặt khắp nơi trên thị trường. Giá trị sản lượng hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước, đời sống việc làm của CB.CNV luôn ổn định. Với những thành công đó công ty được Nhà nước tặng Huân Chương Lao động Hạng Ba và nhận được các giải thưởng như sau:

- Chứng nhận về việc công nhận và công bố danh sách các sản phẩm đạt giải thưởng “Sản phẩm Việt Uy tín-Chất lượng năm 2006” của Thủ Tướng Chính phủ cấp ngày 15/12/2006;
- Bằng khen “Đạt Giải Vàng Chất lượng Việt Nam năm 2006” của Thủ Tướng Chính phủ cấp ngày 15/12/2006;

- Chứng nhận “Thương hiệu VPC Top ten-Thương hiệu Việt uy tín-chất lượng năm 2007” do Liên Hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt nam cấp ngày 04/01/2007;
- Giải thưởng “Thương mại dịch vụ năm 2007” của Bộ Công Thương, theo quyết định số 127/QĐ.BCT ngày 24/12/20007;
- Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2007” của Hội đồng chỉ đạo giải thưởng quốc gia;
- Giải thưởng “Doanh nhân-Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2007” của Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam;
- Chứng nhận danh hiệu «*Thương hiệu uy tín - Trusted Brand 2008* », theo quyết định số 286-QĐCN/TS, ngày 30/8/2008 ;
- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ “Đã hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2008 của tỉnh Vĩnh Long” cấp ngày 20/01/2009;
- Bằng khen “Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý góp phần xây dựng và phát triển ngành khoa học công nghệ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 1979-2009” của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/4/2009.

❖ **Về công tác xã hội:**

Công ty thường xuyên thực hiện tốt công tác xã hội, hưởng ứng tích cực chủ trương của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng phát động. Trong năm 2009, Công ty đã đóng góp xây dựng: Quỹ vì người nghèo, cứu trợ đồng bào miền Trung, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, xây nhà tình nghĩa, quỹ mái ấm công đoàn....với tổng số tiền là 628.460.000 đồng.

4. Định hướng đầu tư phát triển

1. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tăng vốn điều lệ 2010:

1.1. Kế hoạch kinh doanh:

- Doanh thu: 750 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế: 70 tỷ
- Tỷ lệ chia cổ tức: 20 % bằng tiền (trên mệnh giá 10.000 đ/CP).

1.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

Tăng từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng với phương án phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1. Được lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

❖ Biện pháp thực hiện:

- Phát huy tối đa công suất hoạt động của các nhà máy, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm tiêu hao nguyên liệu vật tư, tiết kiệm chi phí trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện (TQM) và 5S, tiêu chuẩn GMP-WHO, ISO 9001:2008. Khuyến khích cao các sáng kiến cải tiến kỹ thuật hàng năm.
- Mở rộng đầu tư sản xuất để đa dạng hóa các nhóm hàng, phát triển sản phẩm đặc trưng, sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới, tăng cường năng lực cạnh tranh các mặt hàng của công ty trên thị trường. Cụ thể:

Trong năm 2010 triển khai nghiên cứu, sản xuất thử 50 mặt hàng mới (đã có số đăng ký 30 mặt hàng năm 2009), đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm thuốc nước, sirop thuốc, dung dịch thuốc và các dạng bào chế phân tán dị thể khác (pomad, gel, dịch treo, nhũ tương...). Tiếp tục nghiên cứu một số quy trình công nghệ mới như: quy trình công nghệ (QTCN) sản xuất viên tròn nhỏ (pellet), QTCN viên phóng thích hoạt chất kéo dài, QTCN bao phim tan trong ruột bằng dung môi nước... Đây là một số QTCN sản xuất mới được nghiên cứu từ năm 2009 và đã đạt một số kết quả bước đầu, sự thành công của nó cho phép việc triển khai phát triển hàng loạt các sản phẩm mới, giá trị cao.

- Xúc tiến hoạt động marketing và xây dựng thương hiệu sản phẩm, quảng bá hình ảnh, trưng bày, giới thiệu sản phẩm thường xuyên trên các phương tiện thông tin, trên Internet.
- Mở rộng thị trường, mở thêm chi nhánh ở Tây Nguyên, phía Bắc nhằm thiết lập hệ thống kinh doanh chuyên nghiệp, tiến tới xây dựng 15 chi nhánh trực thuộc trên cả nước đạt tiêu chuẩn nhà phân phối thuốc tốt (GPP).
- Phát huy mạng công nghệ thông tin phục vụ nhanh chóng hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phát triển thị trường công nghệ thông tin và viễn thông trong và ngoài tỉnh Vĩnh Long như sản xuất, kinh doanh, phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin.
- Về công tác quản trị tài chính: Quản lý chặt chẽ các khoản nợ phải thu, phải trả; thực hiện tốt kế hoạch thu chi, kiểm soát chi phí, giảm thấp dư nợ ngân hàng. Tăng cường công tác kiểm soát, kiểm tra thường xuyên, phòng ngừa rủi ro, hạn chế nợ xấu. Trích lập dự phòng nợ phải thu theo đúng quy định.
- Đối với cổ phiếu đang niêm yết: minh bạch thông tin tài chính, tìm hiểu và kịp thời giải đáp yêu cầu của cổ đông nhằm mang lại sự yên tâm dài lâu cho cổ đông khi đầu tư vào cổ phiếu của Dược Cửu Long. Công ty luôn chú trọng kêu gọi hợp tác từ các nhà đầu tư chiến lược, các công ty quản lý quỹ, quỹ đầu

tư nhằm phát huy hết thế mạnh hiện có của công ty, đưa công ty ngày càng phát triển bền vững.

2. Định hướng đầu tư phát triển:

1. Dự án: Trung tâm liên hợp Dược phẩm Cửu Long

1. Bao gồm:

- Khu nhà chung cư (1.000 hộ)
- Trung tâm thương mại Dược phẩm.
- Bệnh viện 300 giường.
- Khu dịch vụ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí.

2. Diện tích: 11,6 ha tại Phường 5 - Thành phố Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long

3. Tổng vốn đầu tư: 1.000 tỷ đồng.

4. Thời gian dự kiến thực hiện: 2010 - 2015.

2. Dự án: Trung tâm nghiên cứu sản phẩm và phát triển sản phẩm (R/D)

Tổng vốn đầu tư: 2.000.000 USD.

Diện tích: 500m²

Địa điểm xây dựng: Khóm 6 - Phường 5 - TP Vĩnh Long.

Thời gian dự kiến thực hiện: 2010 - 2015.

3. Dự án nhà máy sản xuất thuốc tiêm, nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO:

Tổng vốn đầu tư: 36 tỷ đồng

Diện tích: 1.400m²

Địa điểm xây dựng: Khóm 6 - Phường 5 - TP Vĩnh Long.

Thời gian dự kiến thực hiện: 2010.

4. Dự án đầu tư ứng dụng hệ thống quản trị doanh nghiệp (ERP)

Tổng vốn đầu tư: 1.500.000 USD.

Thời gian dự kiến thực hiện: 2010 - 2015.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009

STT	NỘI DUNG	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	375.384.603.304	314.074.828.678
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	26.012.710.567	13.384.087.807
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	224.772.723.777	160.545.938.386
4	Hàng tồn kho	112.276.609.414	124.782.281.295
5	Tài sản ngắn hạn khác	12.322.559.546	15.362.521.190
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	265.335.232.947	237.336.150.085
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	264.405.736.430	236.400.456.924
	- Tài sản cố định hữu hình	250.188.564.288	214.709.369.932
	- Tài sản cố định vô hình	13.993.267.527	10.766.616.327
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	223.904.615	10.924.470.665
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5	Tài sản dài hạn khác	929.496.517	935.693.161
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	640.719.836.251	551.410.978.763
IV	NỢ PHẢI TRẢ	340.194.419.016	278.495.689.485
1	Nợ ngắn hạn	241.109.191.740	170.449.424.431
2	Nợ dài hạn	99.085.227.276	108.046.265.054
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	300.397.249.074	273.445.980.175
1	Vốn chủ sở hữu	289.477.216.720	270.190.043.708
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.193.080.000	97.810.680.054
	- Thặng dư vốn cổ phần	110.556.760.000	110.556.760.000
	- Cổ phiếu quỹ	(242.200.000)	(242.200.000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(936.025.878)	(123.790.211)
	- Các quỹ	43.260.270.036	21.754.248.634
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	39.625.165.712	40.414.178.382
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	20.166.850	20.166.850
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	10.920.032.354	3.255.936.467
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.920.032.354	3.255.936.467
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	128.168.161	(530.690.897)
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	640.719.836.251	551.410.978.763

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

TT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	577.773.208.885
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4.124.272.518
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	573.648.936.367
4	Giá vốn hàng bán	436.117.994.208
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.530.942.159
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.468.990.291
7	Chi phí tài chính	25.516.004.528
8	Chi phí bán hàng	33.477.961.055
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.623.366.738
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	61.382.600.129
11	Thu nhập khác	2.538.860.586
12	Chi phí khác	3.343.981.044
13	Lợi nhuận khác	(805.120.458)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.577.479.671
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.139.199.118
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.438.280.553
	17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(33.742.229)
	17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	56.472.022.782
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.812

(Báo cáo tài chính 2009 được đăng tải chi tiết trên website: www.pharimexco.com.vn)

Số : 306./BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG****Kính gửi: Các cổ đông CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và các Công ty con (Sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 26.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả kinh doanh, cũng như luồng tiền lưu chuyển cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, Chúng tôi muốn người đọc báo cáo tài chính hợp nhất lưu ý, như được thuyết minh tại mục VI. 17 trang số 22, trong năm 2009 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG đã tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 15% lợi nhuận sau thuế năm 2009. Khoản tạm trích quỹ này sẽ được quyết định chính thức khi có nghị quyết của đại hội cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2009, và nếu có quyết định khác thì Công ty sẽ điều chỉnh lại sau.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2010**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Tổng Giám đốc****Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên**Trần Văn Khoa**

Chứng chỉ KTV số: 0159/KTV

5

THÀNH VIÊN HẠNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI



GLOBAL PRESENCE - LOCAL EXCELLENCE

V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do công ty nắm giữ:

✓ **CÔNG TY LIÊN DOANH SẢN XUẤT KINH DOANH, XUẤT NHẬP
KHẨU DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
(MEDICAL SUPPLY CO-OPERATION IMPORT - EXPROT CO.LTD - MSC)**

Địa chỉ: 011 Lanexang St.-B.Hatsady - Chanthaboury District - Vientiane - Lao P.D.R
Vốn điều lệ của MSC là 3.200.000 USD, trong đó Công ty Dược Cửu Long chiếm 51% vốn điều lệ.

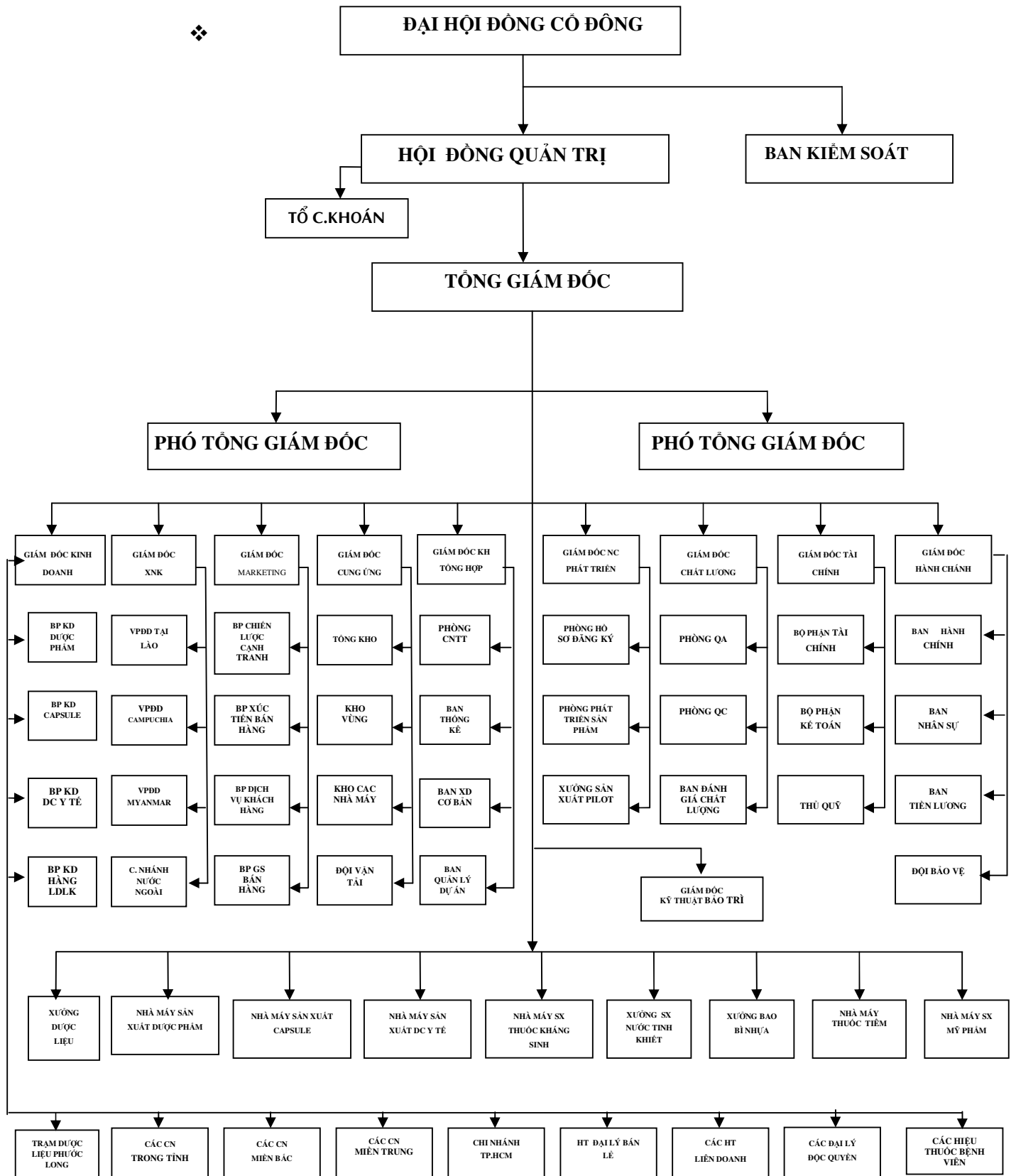
✓ **CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM MÊ KÔNG**

Địa chỉ: 56-58 Đường 3/2, Phường 1, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng do Công ty Dược Cửu Long cấp.
Công ty chính thức hoạt động vào tháng 03/2010.

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

❖ **Cơ cấu tổ chức của công ty**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:



Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng Giám đốc**1. Ông Lương Văn Hóa - Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **LƯƠNG VĂN HÓA**
Giới tính: Nam
Số CMND: 330006626 ngày cấp: 02/11/2005
Nơi cấp CMND: CA. Vĩnh Long
Năm sinh: 1957
Nơi sinh: Đại Phước – Càng Long – Trà Vinh
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Đại Phước - Càng Long - Trà Vinh
Địa chỉ thường trú: 18 - Lê Văn Tám - Phường 1 - TP Vĩnh Long
ĐT liên lạc ở cơ quan: 070. 3 822 533
Trình độ văn hóa: Cử nhân kinh tế
Trình độ chuyên môn: Ngành Kinh tế - Trường ĐHCĐ Việt Nam
Quá trình công tác: 1986-1989: Quyền Giám đốc XNLH Dược Cửu Long
1990-2005: Giám đốc Cty Dược & VTYT Cửu Long
2005 - nay: Tổng Giám đốc Cty CP Dược phẩm Cửu Long
Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long

2. Ông Nguyễn Thanh Tòng - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **NGUYỄN THANH TÒNG**
Giới tính: Nam
Số CMND: 331631175 ngày cấp : 15/2/2006
Nơi cấp CMND: CA. Vĩnh Long
Năm sinh: 1959
Nơi sinh: Thới An – Ô Môn – Cần Thơ
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Thới An – Ô Môn – Cần Thơ
Địa chỉ thường trú: 61/11D Mậu Thân – Phường 3 – Vĩnh Long
ĐT liên lạc ở cơ quan: 070. 3 822 533
Trình độ văn hóa: Cử nhân kinh tế
Trình độ chuyên môn: Ngành Kế toán – ĐHKT TPHCM
Quá trình công tác: 1984-1996: Phó phòng Kế toán XNLH Dược Cửu Long.
1996-2005: Kế toán trưởng Cty Dược & VTYT Cửu Long
2005-nay: Phó Tổng Giám đốc Cty CP Dược phẩm Cửu Long
Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Dược phẩm Cửu Long

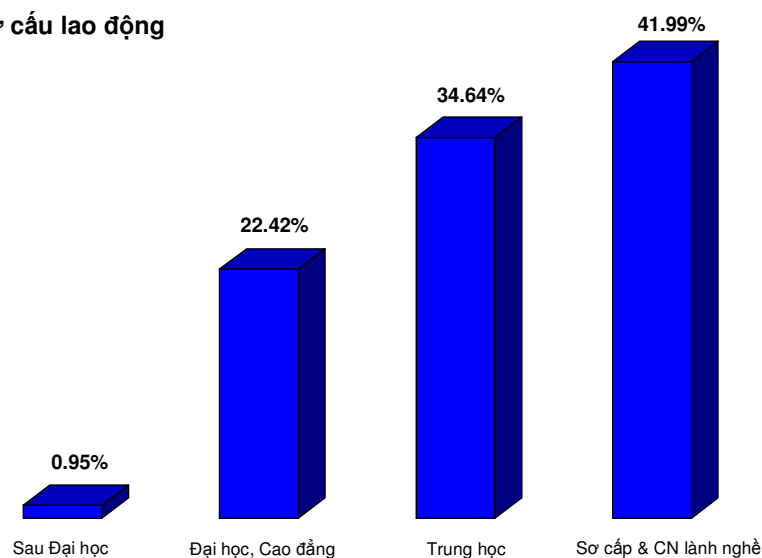
3. Ông Nguyễn Hữu Trung - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **NGUYỄN HỮU TRUNG**
 Giới tính: Nam
 Số CMND: 023949433 ngày cấp : 27/12/2001
 Nơi cấp CMND: CA. TP.HCM
 Năm sinh: 1953
 Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
 Địa chỉ thường trú: 315/17 Hai Bà Trưng – P.8 – Q.3 – TP.HCM
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 070. 3 822 533
 Trình độ văn hóa: Thạc sỹ Dược
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Dược – ĐH Dược TP.HCM
 Quá trình công tác: 1978-1989: Trưởng phòng Kiểm nghiệm XNLH Dược Cửu Long.
 1990-1999: Trưởng phòng Kỹ thuật Cty Dược & VTYT Cửu Long.
 1999-2005: Phó Giám đốc Cty Dược & VTYT Cửu Long.
 2005-nay: Phó Tổng Giám đốc Cty CP Dược phẩm Cửu Long.
 Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Dược phẩm Cửu Long

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lượng CB.CNV: 843 người.

Cơ cấu lao động



VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Lương Văn Hóa	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thanh Tòng	Thành viên HĐQT-Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Hữu Trung	Thành viên HĐQT-Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Văn Cần	Thành viên HĐQT
5	Phạm Trung Nghĩa	Thành viên HĐQT

Cơ cấu Hội đồng quản trị	Số lượng
Thành viên điều hành	04
Thành viên không điều hành	01
Cộng	05

Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Ân	Trưởng Ban kiểm soát
2	Đỗ Thị Thu Liên	Thành viên
3	Đặng Thị Hương	Thành viên

Cơ cấu Ban kiểm soát	Số lượng
Thành viên điều hành	0
Thành viên không điều hành	03
Cộng	03

- Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát

Thù lao cho HĐQT : 1.128 triệu đồng (2% /LNST)

Thù lao Ban kiểm soát : 150 triệu đồng.

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ được lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 22/04/2010.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP tăng/giảm (+/-)	Số cổ phần SH	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Lương Văn Hóa	CT HĐQT-TGD	0	156.300	1.563.000.000	1,61
2	Nguyễn Thanh Tòng	TV HĐQT-P.TGD	0	98.820	988.200.000	1,02
3	Nguyễn Hữu Trung	TV HĐQT-P.TGD	-18.000	48.144	481.440.000	0,50
4	Nguyễn Văn Cần	TV HĐQT	0	73.824	728.240.000	0,76
5	Phạm Trung Nghĩa (Cty Đại Việt Á)	TV HĐQT	0	252.000	2.520.000.000	2,59
Tổng cộng			-18.000	629.088	6.290.880.000	6,47

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

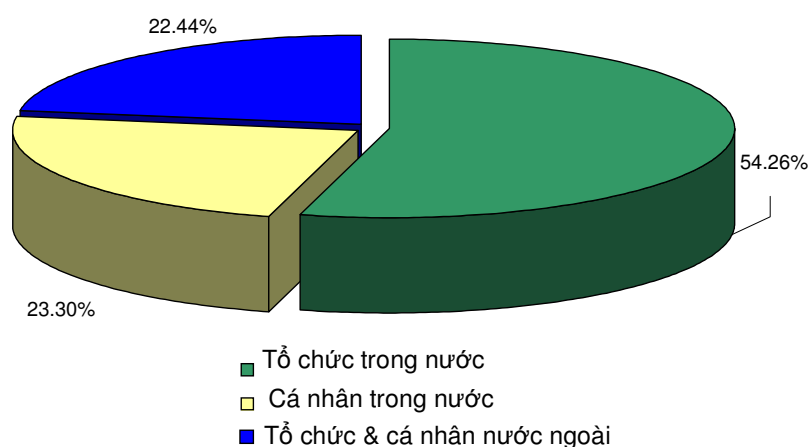
2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Tt	Tên cổ đông	CMND/ GPKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Red River Holding	CA1288	11A Tú xương, Phường 17, Quận 3, TP. HCM	649.470	6,68
2	Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt	08/TB- UBCK	P.1701, Lầu 17 Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Q1, TP.HCM	821.710	8,45
3	Tổng Công ty ĐT & KD vốn nhà nước	0106000737	15A Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.603.600	37,08
Cộng				5.074.780	52,21

- Thông tin về cơ cấu cổ đông trong nước

Cơ cấu vốn cổ đông Trong nước	Số lượng	Cổ phần nắm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ Lệ (%)
Cổ đông là tổ chức trong nước	24	5.273.744	52.737.440.000	54,26
Cổ đông cá nhân trong nước	899	2.264.664	22.646.640.000	23,30
Cộng	923	7.538.408	75.384.080.000	77,56



2.2. Cổ đông nước ngoài :

Cơ cấu vốn cổ đông nước ngoài	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông là tổ chức nước ngoài	18	2.124.070	21.240.700.000	21,85
Cổ đông cá nhân nước ngoài	40	56.830	568.300.000	0,58
Cộng	58	2.180.900	21.809.000.000	22,44

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước
- Sở GD&ĐT TP.HCM
- Cổ đông (trên website cty)
- Lưu

LƯƠNG VĂN HÓA